

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Trung Dũng

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ

Địa chỉ: : khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Tô Văn N

Địa chỉ: : khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà và ông Tô Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày **08/06/2010**. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà không tôn trọng bà dẫn đến tình cảm không còn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng

không còn nói chuyện với nhau. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Tô Văn N.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Tô Huỳnh N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày **01/9/2010**. Bà đồng ý cho ông N được quyền trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Tô Văn N trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Đ vì vợ chồng mâu thuẫn, ông đã cố hàn gắn nhưng không được. Ông đồng ý nuôi con chung là Tô Huỳnh N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày **01/9/2010**. Không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do thường xuyên bận công việc gia đình nên ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tô Văn N và giải quyết nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Tô Văn N cư trú tại : khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Tô Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Đ và ông Tô Văn N đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2010. Do đó, hôn nhân giữa bà Đ và ông N là hợp pháp. Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông N là do chồng bà không tôn trọng bà dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng không còn

nói chuyện, quan tâm lẫn nhau. Bà Đ đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, bà Đ cương quyết xin ly hôn. Đồng thời, ông N cũng đồng ý ly hôn với bà Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ ly hôn với ông N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà Đ và ông N có 01 con chung là Tô Huỳnh N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/9/2010. Ông N có yêu cầu được nuôi con chung, bà Đ cũng thống nhất. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/9/2019, cháu Tô Huỳnh N1 có nguyện vọng được sống chung với cha, được cha chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Tô Huỳnh N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/9/2010 cho ông Tô Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu Tô Huỳnh N1 và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do ông N chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ và ông N trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Tô Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Huỳnh N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/9/2010 cho ông Tô Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Đ chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Tô Văn N chưa yêu

cầu. Bà Nguyễn Thị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai số 0020545 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà Đ không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường IV, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

